

# Một Ông Ba Chuyện

B.S. Lê Cảnh Luận

Chuyện Số 1: Điện “Hốt Rác”

Vào một tháng nào đó của năm 1979, sau khi sinh sống tại một hòn đảo nhỏ ở Malaysia độ hơn 1 tháng, tôi được tàu UNHCR (UNITED NATION HIGH COMMISSIONER Of REGUGEEES) đưa vào đảo Pulau Bidong, sau khi được chụp hình để làm thẻ tị nạn. Tôi tìm hiểu cách thức để xin định cư ở Mỹ. Tôi được biết ngay là mình thuộc diện “hốt rác”, thành thử phải chờ đợi hàng năm trên đảo mới được đi định cư ở Mỹ.

Phái đoàn phỏng vấn của Mỹ đã chia người tị nạn ra làm 4 diện ưu tiên (ưu tiên 1, 2, 3, 4). Ưu tiên 1 được định cư nhanh nhất, rồi đến ưu tiên 2 và 3. “Ưu tiên” 4, được dân trên đảo gọi mỉa mai là “hốt rác” vì phải chờ đợi hàng năm mới được phái đoàn Mỹ... hốt rác. Thành phần diện 4 là những thành phần không có bà con ruột thịt ở Mỹ, không làm việc cho người Mỹ, sở Mỹ khi ở Việt Nam, và không đi lính VNCH. Các diện ưu tiên 1,2,3 thì được đi định cư ở Mỹ sau khoảng 4 tháng đến 9 tháng, nếu không bị trở ngại về giấy tờ.

Sau này số người vượt biên càng nhiều mà phần lớn là đến Malaysia, có lúc đảo Pulau Bidong chứa đến gần 50 ngàn dân tị nạn. Vì đảo đã quá tải, do đó Cao ủy tị nạn LHQ đã có chương trình chuyển thuyền nhân thuộc diện “hốt rác” qua trung tâm tạm trú LHQ ở bán đảo Bataan ở bên nước Phi Luật Tân. Một khi đã ở tại trại tị nạn bên Phi Luật Tân rồi, dân hốt rác sẽ được phái đoàn Mỹ nhận cho đi Mỹ trong một thời gian không quá 3 năm. Chuyển từ một trại tị nạn của một nước này qua một trại tị nạn của một nước khác là một việc làm không hào hứng chút nào, cho nên không ai muốn đi. Họ có “bám trụ” ở đảo Pulau Bidong để chờ ngày được phái đoàn phỏng vấn Mỹ “chiếu cố”.



Trong thành phần thuộc diện hốt rác cũng có một số thuộc thành phần trí thức. Họ là những Bác sĩ, Dược sĩ, Kỹ sư, Giáo sư khi còn ở Việt Nam. Để tránh tình trạng phải qua Phi Luật Tân, họ chỉ còn có một cách là xin đi định cư ở các nước khác.

Có một phái đoàn Hòa Lan sang đảo để tuyển một bác sĩ sang Hòa Lan để chăm sóc về vấn đề Y tế cho người Việt Nam đã được phái đoàn Hòa Lan nhận từ trước. Bác sĩ Trần Phước Thọ (chồng của Bác sĩ Túy Lan) đã... “trúng tuyển”, và đã được đi Hòa Lan ngay sau đó. Ai cũng cho là B.S Thọ có nhiều may mắn. Anh Thọ đến trại Pulau Bidong sau tôi một thời gian, anh đi một mình, để lại ở Việt Nam vợ và con gái nhỏ. Có lẽ anh anh muốn đi định cư sớm để xin bảo lãnh cho vợ con của anh. Anh Thọ có cho tôi biết là phái đoàn đã hứa với anh là sau khi làm việc cho người Việt tị nạn ở Hòa Lan một thời gian, anh sẽ được họ can thiệp để được chính thức hành nghề Bác sĩ ở Hòa Lan.

Một ngày nào đó, ông Peter Woodrow, người Mỹ, thuộc cơ quan Cao ủy tị nạn đã đáp lời yêu cầu của hội Hồng thập tự Mã Lai MRCS qua đảo Pulau Bidong để tuyển 2 Bác sĩ Việt Nam hiện đang ở đảo muốn tình nguyện qua làm việc ở trại Kota Baru. Trại Kota Baru là một trại tị nạn rất nhỏ nằm ở

trong đất liền. Vì các bác sĩ ở trong trại đã đi định cư gần hết, nên họ cần Bác sĩ để thay thế. Bác sĩ Mai Thế Hùng (YK Sài Gòn) và tôi đã xin tình nguyện đi. Bác sĩ Nguyễn Duy Cung lúc đó làm trưởng trại đã tổ chức một cuộc tiền đưa khá trọng thể. Các loa của trại đã phát ra những lời ca tụng chúng tôi. Khi lên tàu, dân chúng đứng ven biển để chào tiễn biệt. Sau này, trong cuốn hồi ký “Đời Y Sĩ trong Cuộc Chiến Tương Tàn” ở trang 322, Bác Sĩ Cung có viết: “Trại tị nạn Pulau Bidong còn gọi Bác sĩ đến làm việc tại các trại tị nạn khác như Kota Baru theo yêu cầu của cơ quan MRCS.”

Sau khi về Kota Baru một thời gian, anh Bác sĩ cũ cuối cùng của trại đã cùng gia đình đi định cư ở Mỹ nên Bác sĩ Mai Thế Hùng thay thế làm trưởng trại, còn tôi được làm trại phó. Tôi còn nhớ trong tập tiểu thuyết Giòng Sông Thanh Thủy của nhà văn Nhất Linh, có một tập nhan đề là “Chi Bộ Hai Người”. Trong ban điều hành của trạm xá Sick Bay ở trại Kota Baru lúc đó chỉ có 2 người: BS. Hùng và tôi. Bác sĩ Hùng là một con người bạch diện thư sinh, người anh nhỏ con, hiền lành, và rất tốt bụng. Anh tốt nghiệp YK Sài Gòn khóa 72 hay 73 gì đó. Anh có 3 người con, 2 gái, 1 trai còn nhỏ. Anh chị cho tôi ăn uống free trong thời gian gia đình anh chị ở trại Kota Baru (hơn 1 năm rưỡi). Tuy ở diện hốt rác, nhưng anh vẫn kiên trì để được đi định cư ở Mỹ. Anh cho là ở Mỹ có nhiều cơ hội để hành nghề trở lại hơn các nước khác. Anh không muốn đi định cư ở nước Úc, vì anh cho là lấy lại bằng hành nghề ở Úc rất khó khăn. Anh có cho tôi biết khi còn ở đảo Pulau Bidong, một phái đoàn Úc đã chấp nhận gia đình anh, nhưng cuối cùng anh đã từ chối.

Lâu quá rồi mà chẳng thấy phái đoàn Mỹ mở hồ sơ, tôi quyết định dùng tiếng Anh “xí xô, xí xa” của tôi để viết một bức thư gửi lên Kuala Lumpur cho ông Woodrow (người đã đưa chúng tôi đến Kota Baru) để

hỏi về trường hợp của hai chúng tôi. Ông đã trả lời tôi. Trong thư đề ngày 8 tháng 2 năm 1980, ông viết: “.... I have been following your progress, and be assured that you will not be forgotten. The American Delegation is aware of your case. I spoke with friends on the interview team before I left (for USA). Apparently, the State Department people who make the decisions in Kuala Lumpur about such cases as yours did NOT approve considering a special treatment for you so that you can go straight to the United States avoiding the Philippines... So, my two fine friends, it may be that you will have to go to the Philippines anyway. In any case you will not be delayed longer because you have volunteered to go to Kota Baru. There is still a little hope that the US delegation will help you...” Tôi đưa bức thư của ông Woodrow cho BS. Hùng xem. Anh giải thích cho vợ nghe. Anh cho tôi biết tối hôm đó vì quá tuyệt vọng nên chị đã khóc. Trách trời không khỏi nắng. Thế nào cũng phải đi Philippines thôi. Ít nhất cũng phải 3 năm nữa mới được định cư ở Hoa Kỳ. Thật là gian nan!

Lúc sau này, có một vụ kiện gì đó ở trên Kuala Lumpur liên quan đến trại tị nạn ở Kota Baru. BS. Hùng, trưởng ban Y tế phải lên Kuala Lumpur để làm nhân chứng. Anh ở lại trên Kuala Lumpur một tuần lễ. Trong lúc đó, ở dưới trại Kota Baru, có một phái đoàn Úc đến trại để phỏng vấn. Chị Hùng thừa cơ hội đã bồng bế các con lên gặp phái đoàn. Chị đã được toại nguyện. Gia đình chị được chấp nhận. Thật tình mà nói, tôi rất mừng cho gia đình anh chị. Gia đình anh chị với ba người con còn nhỏ, sống ở trại tị nạn đã hơn 2 năm rồi, nay lại còn sang Philippines sống thêm 3 năm nữa, thì lâu quá. Còn phần tôi thì khác. Tôi độc thân và cũng có tham vọng qua Mỹ để hành nghề trở lại, nên tôi cố “bám trụ”.

Sau này, vì số người đi định cư gần hết, mà phần lớn là qua Mỹ, nên trại Kota Baru chỉ còn lại vài chục người, do đó Cao ủy tị nạn LHQ quyết định đóng cửa trại. Số còn lại trong trại

phần đông thuộc diện hốt rác sẽ phải qua Philippines, còn lại một số ít có tiêu chuẩn để đi Mỹ sẽ được phái đoàn Mỹ tiếp tục phỏng vấn. Có một lần phái đoàn Mỹ đến trại để tiếp tục phỏng vấn cho những người thuộc diện ưu tiên. Danh sách được đọc lên trên những cái loa của trại. Lạ lùng thay, tên của tôi được đọc lên đầu tiên. Được phái đoàn Mỹ phỏng vấn thì được đi Mỹ định cư.

## Chuyện Số 2: Nghề Đóng Fliers

Vào tháng 7 năm 1983, tôi được chương trình CETA Training Program cho tiền để học 1 khóa tại Kaplan Center ở Minneapolis, Minnesota. Họ cũng cho tôi tiền để mua một số sách y khoa. Thời gian học là 6 tháng. Thi ECFMG vào tháng 12.

Tôi gặp BS. Nguyễn Hoài Đức ở Kaplan Center. BS Đức qua Mỹ mấy năm về trước. Anh đã đỗ ECFMG và hình như anh đang làm Residency tại một bệnh viện của trường Đại Học Minnesota. Anh đến Kaplan học để thi FLEX. Anh Đức là một người hiền hòa, dễ mến, và hiểu biết. Anh đã từng là Chủ tịch Y sĩ đoàn khi còn ở Việt Nam. Anh rất thân với ông Giám đốc của Kaplan Center ở Minnesota. Gặp anh, dầu không quen biết nhau từ trước, anh cũng rất mừng vì có bạn. Chúng tôi thường ra ngoài để nói chuyện với nhau hơn là ngồi vào bàn để nghe tapes. Tôi học rất chậm. Cố gắng nghe để hiểu cả y khoa lẫn Anh văn. Vì không nghĩ là mình sẽ đậu trong kỳ thi tới, nên tôi học từ từ, không vội vã. Thấy tôi học quá chậm nên có lần anh Đức nói: “Anh học chậm như vậy, làm sao mà kịp để đi thi kỳ tới!”

Dầu học chưa đến đâu, tôi vẫn đi thi ECFMG vào tháng 7. Tôi đi thi để lấy kinh nghiệm. Và lại, CETA cho tiền để đóng học phí để học và cả lệ phí để đi thi. Không đi thi, thì kể như bỏ. Kỳ thi đó tôi trả lời phần nhiều là theo xác suất, phần ít là do sự hiểu biết, nên không thể đậu được. Score của tôi là 73. Tuy là con số khá khiêm tốn, nhưng tôi cũng thấy phấn khởi và tin rằng mình có thể đỗ trong kỳ tới.

Sau này tôi có nhận xét là các kỳ thi ECFMG về phần y khoa lúc đó không khó mấy nếu so với những kỳ thi bằng BS tương đương sau này. Thành thử, theo tôi, đối với những “professional” MD, nếu khá tiếng Anh, thì chỉ cần học tại Kaplan 1 khóa là đủ, mà số điểm có thể lên đến 80 hay cao hơn. Trái lại đối với những “lay” Doctors như tôi, thì cần một thời gian lâu hơn. Vì phải học lại để thi, tôi cần tiền để trả học phí. Anh Đức thấy nỗi băn khoăn của tôi và anh tìm cách giúp đỡ. Một hôm anh Đức dẫn tôi vào văn phòng của ông Giám đốc Kaplan. Có lẽ BS Đức đã kể hoàn cảnh của tôi cho ông ta nghe rồi nên sau khi ngồi xuống ghế, ông Giám đốc vào đề ngay và đưa ra đề nghị: Tôi phải đi dán quảng cáo của Trung tâm Kaplan tại các địa điểm ở trường Đại học Minnesota, mỗi tuần 3 buổi sáng, để đổi lại, tôi sẽ được học thêm một khóa tại Kaplan miễn phí. Một đề nghị mà tôi không thể từ chối.

University of Minnesota là một trường Đại học công lập lớn nhất của tiểu bang Minnesota. Số sinh viên lên đến 40 ngàn. Ngôi trường nằm ở bên bờ sông Mississippi. Campus của trường thì rộng mênh mông. Tôi chọn sáng thứ Hai, thứ Tư, và Thứ Sáu để đi dán quảng cáo. Mới đầu thì còn bỡ ngỡ, sau thì quen đi. Tôi chọn những phân khoa mà sinh viên thường đến học ở Kaplan như Y khoa, Luật khoa làm ưu tiên. Công việc làm ăn tiến triển khả quan và trở thành routine. Về sau tôi có nhận xét là những tờ quảng cáo của của tôi có một đời sống không lâu, chỉ một, hai ngày là bị ai đó xé nát. Tôi để ý tìm xem ai là thủ phạm. Thì ra những kẻ tháo dỡ những tờ quảng cáo của Kaplan không ai khác hơn là chính là những ông Security của trường. Tôi tạm ngừng công việc dán quảng cáo một thời gian để tìm hiểu nguyên nhân. Nếu nhìn cho kỹ các tờ quảng cáo khác, tôi thấy có đóng một khuôn dấu bằng mực đen và có một chữ viết bằng tay: “Approved”. Sự việc này đã đưa tôi đến một trình trạng khó

xử. Hoặc là cứ tiếp tục làm phận sự nhưng phải dè dặt hơn hay là cho ông Giám đốc của Kaplan biết. Nếu cho ông ta biết thì ông có thể bảo tôi ngừng công việc. Như thế, việc học hành của tôi có thể bị trở ngại. Thế nên tôi chọn giải pháp thứ nhất. Có thể U of M không cho người ngoài vào đóng những tờ flyers ở trong campus của mình, hay là muốn được “approved” thì phải đóng một lệ phí nào đó. Tôi không biết. Đẳng nào tôi cũng có thì giờ để thay thế những tờ flyers đã bị tháo dỡ đó.

Từ đó tôi dè dặt hơn. Lúc đầu tôi tập trung vào những phân khoa chính, nay tôi đổi địa bàn hoạt động qua các phân khoa khác mà tôi cho là có ít sinh viên đi học luyện thi. Dầu sao đi nữa thì “word of mouth” cũng có thể đến tai các sinh viên ở các phân khoa khác. Bởi vì đã gặp “sự cố” rồi, và phải vật lộn với các Security của trường, nên tình hình lúc đó rất “căng”. Cho nên những ngày “làm ăn” suôn sẻ, tôi thấy sung sướng. Mỗi lần gặp trở ngại, chẳng hạn như bị đụng đầu với mấy ông Security mà mình đã cố tránh, những lần như vậy, thì công việc dán quảng cáo của tôi phải tạm ngưng vì tôi không muốn khiêu khích họ. Do đó, tôi thấy buồn và “depressed”. Tôi coi như một thất bại.

Thế rồi tôi cho công việc dán quảng cáo của tôi quan trọng hơn việc học thi ECFMG của tôi. Nghề dán quảng cáo là chính, còn học để đi thi là phụ. Dầu sao đi nữa, cuộc chiến “ai thắng ai” với mấy ông Security cũng dễ hơn là ngồi nghe tapes ở Kaplan Center. Tuy nhiên, tôi không bao giờ thách thức họ, tôi chỉ muốn hoàn thành công tác mà thôi. Nhip sống của tôi lúc đó căn cứ vào lượng Adrenaline tiết ra ở trong người, vui hay buồn cũng do đó mà ra. Cả một đời với nhiều thất bại, nên việc thắng các ông Security cũng đã làm tôi lên tinh thần và đã làm cho cuộc đời của tôi có ý nghĩa thêm lên. Một hôm đang loay hoay đóng mấy tờ flyers, đóng nhanh, tháo nhanh, khi quay

mặt để đi thì tôi gặp ngay một bà security đứng ngay phía sau lưng của tôi. Bà này lạ đối với tôi. Tôi chưa thấy bà bao giờ. Bà tưởng tôi không biết tiếng Anh, nên bà chỉ ngón tay trỏ của bà vào cái poster ở bên cạnh tấm biển của Kaplan, rồi bà gõ, gõ vào cái khuôn dấu có chữ “approved” cho tôi xem. Tôi nói yes, yes, ok, ok, rồi bỏ đi.

Một hôm tôi đang ngồi nghe tape thì ông Director mời tôi lên văn phòng của ông. Tôi thấy BS Đức ở đó. Ông Giám đốc cảm ơn tôi về việc đã giúp ông trong việc dán quảng cáo, và ông quyết định chấm dứt nhiệm vụ của tôi. Ông nói ngay là tôi vẫn được học tiếp cho đến ngày thi. Trước khi ra cửa, ông đưa cho tôi một phong thư trong đó có 1 cái check 100 dollars của Kaplan Center. Tuy thế, tôi cảm thấy không vui, vì tôi đã “yêu” cái nghề đóng Quảng cáo rồi. Tôi tự cho như mình bị “laid off” và số tiền 100 đồng đó là tiền bồi thường.

Ông Director của Kaplan là một người Mỹ gốc Do Thái. Ông độ trên 30 tuổi, còn độc thân. Ông có một khuôn mặt của một người vùng Trung Đông. Tóc ông màu đen và gọn sóng. Ông khổ người trung bình. Giọng nói của ông khàn khàn. Dáng đi của ông lúc nào cũng hấp tấp, chúi về phía trước. Đi mà giống như chạy. Tôi nghe BS Đức nói là ngoài cơ sở Kaplan, ông còn một cơ sở làm ăn khác nữa.

Kỳ thi ECFMG tháng 7 năm 1983, vì tôi có chuẩn bị, nên làm bài thi rất khá; tôi tin là tôi sẽ đậu. Một tháng sau, không có kết quả vì kỳ thi ECFMG bị hủy bỏ (nghe nói đề thi đã bị lộ). Một kỳ thi khác được thay thế vào tháng 11 cùng năm. Kết quả tôi đỗ phần Medicine với score 78; phần English Test: Failed.

ECFMG test vào tháng 11 năm 1983 hoàn toàn khác hẳn với ECFMG lúc trước về hình thức lẫn nội dung. Vì quá mới, bài vở của Kaplan chưa được cập nhật hóa, nên những câu “tử” của Kaplan có rất ít trong bài thi.

Thế là từ đó cứ mỗi tháng một lần, với cây bút chì 2B trên tay, tôi đi thi TOEFL. Tuy mỗi tháng một lần, cần mẫn và liên tục, vấn đề đồ TOEFL, đối với tôi, không phải là vấn đề của tháng mà là vấn đề của năm.

Chuyện N<sup>o</sup> 3: "Everyone Has Its Destiny"

Vào đầu năm 2004, tôi đã làm việc cho Tulare County đã được 9 năm. Để có tiền hưu bổng, điều kiện ‘tất có và đủ’ là phải làm việc từ 10 năm trở lên và phải 55 tuổi trở lên. Về tuổi tác thì tôi luôn luôn “thặng dư”, còn số năm làm việc thì tôi còn thiếu. Phải đợi đến ngày 16 tháng 11 năm 2004, tôi mới đủ 10 năm. Vào khoảng tháng 3 năm đó, Hùng có cho tôi biết chỗ làm hiện thời của Hùng (The Fairview Developmental Center ở thành phố Costa Mesa) có open một position và hỏi tôi có muốn apply không. Tôi nói “muốn”. Tuy vợ tôi phản đối vì muốn được lãnh lương hưu nếu được nhận. Muốn có pension thì phải đợi đến cho đến sau tháng 11 năm đó mới đủ 10 năm.

Từ lâu, tôi đã có ước mong được về làm cho Fairview. Hùng đã làm ở đó 6 năm rồi. Khi nào gặp tôi, Hùng cũng “than thở”: “Tau làm ở đây quá khỏe, giống như semi-retirement.” Tôi đâm ra thèm thường, nhưng vì “tài hèn, sức mọn” nên tôi không dám thổ lộ điều ước mơ của tôi cho Hùng biết. Nay được Hùng cho biết có recruitment, và khuyến khích tôi thì tôi nộp đơn liền. Kỳ thi vào làm việc ở Fairview lần đó, B.S. James Trần được nhận vào làm full time. BS. Trần khoảng trên 30 tuổi, là người Việt Nam, học Y khoa ở trường Mỹ, có board của Internal Medicine. BS. Michael K. và tôi được nhận vào làm MOD (Doctor of the Day), hay nói nôm na là Bác sĩ on-call, hay là BS trực.

Đối với tôi, việc trực gác ở Bệnh viện Fairview cũng rất nhiều khê. Trực trong những ngày cuối tuần và những ngày lễ. Một ca trực là 24 giờ, từ 8 giờ sáng ngày này cho đến 8 giờ sáng ngày hôm sau. Bạn Lê Cảnh Hoạt cũng có một thời kỳ làm MOD ở Bệnh viện Fairview.

Nhà tôi ở thành phố Visalia, Tulare County, cách Bệnh viện Fairview, thành phố Costa Mesa khoảng 200 miles. Thành thử mỗi lần đi trực, thì như một bài hát của Việt Nam có nói “bốn giờ đi, lại thêm bốn giờ về”, cộng lại là tám tiếng. Thời gian trực là 24 tiếng nữa. Tổng cộng là 32 tiếng. Mỗi tháng tôi trực 2 lần. Trong thời gian trực thì phải ở ngay trong bệnh viện “nội bất xuất, ngoại bất nhập”. Đây cũng là một kỷ lục về sự đi trực xa của tôi. Tôi không nghĩ các BS của Y khoa Huế, trong nước cũng như ngoài nước, có ai lại đi trực xa như vậy.

Tôi gặp BS. Michael K. trong những lần làm MOD. Dr. K. cũng như tôi, thì hồng full time job, nhưng được làm MOD. Gặp nhau trong lúc giao ban. Ví dụ như khi tôi trực ngày thứ Bảy, mà phiên bác sĩ K. trực ngày Chủ nhật, thì chúng tôi phải gặp nhau vào lúc 8 giờ sáng ngày Chủ nhật.

Làm MOD được 4 tháng, thì vào khoảng đầu tháng 12 cùng năm, khi tôi đang ở Visalia, thì Hùng gọi tôi. Hùng nói ngay: “Mi làm MOD làm sao mà bà T.F. (Medical Director) cho tao biết là bà sẽ nhận Dr. K. làm full time, không phải mi.” Thế là mộng làm việc full time của tôi coi như đã chấm dứt. Trong vòng có hơn nửa năm mà Fairview đã recruited đến 3 bác sĩ: Dr. James Trần, rồi đến Dr. James Ferguson, nay lại thêm Dr. Michael K. Đây là một sự việc vô tiền khoáng hậu vì Fairview chưa bao giờ nhận vào một lần mà nhiều như vậy.

Vào buổi chiều ngày Christmas Eve năm đó tôi làm MOD. Phiên trực của tôi là từ buổi chiều ngày 24 tháng 12 từ 4:30 PM cho đến 8 giờ ngày hôm sau, tức là ngày Giáng sinh. Thường lệ thì khi tôi làm MOD, vì là làm ngày cuối tuần và những ngày lễ, nên tôi không gặp được Bác sĩ Director cũng như các bác sĩ làm full time trong bệnh viện, bởi vì ngoài giờ làm việc. Hôm đó, tôi đến bệnh viện sớm, khoảng 3:30 PM, nên

nhân viên còn làm việc. Dr. T.F. gặp tôi ở phòng Medical Staff lounge. Bà nói ngay là bà sẽ mở thêm một position nữa vào tháng Giêng sang năm (2005) và bà bảo tôi về sửa soạn đề thi. Tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Đã tuyển Dr. K. mới đây, nay lại tuyển thêm một Doctor nữa. Tôi biết là Fairview đã đủ Bác sĩ rồi. Ngay cả việc tuyển thêm Bác sĩ K. cũng thừa.

Ở Fairview, mỗi bác sĩ phụ trách 2 Residences, mỗi Residence có khoảng 25 đến 30 bệnh nhân. Tất cả các trại đều có Bác sĩ cả rồi. Tuy nhiên bà Giám đốc nói thì phải tin. Tháng Giêng năm 2005, tôi đi interview lại. Trước đó vài ngày, tôi có gọi Hùng, thì được Hùng cho tôi biết trước là bà Giám đốc sẽ nhận tôi làm full time lần này. Sau này tôi được biết là sở dĩ bà TF mở kỳ interview lần này bởi vì Dr. Micheal K. đã từ chối job offer của bà. Theo Hùng cho tôi biết thì lý do từ chối của Dr. K. là vì Dr. K. vừa mới được promotion ở chỗ đang làm việc, nên nếu bỏ ra đi thì thiếu thụt chung. Thực hư ra sao thì không ai biết rõ. Một điều rõ ràng là nhờ Dr. K. đã từ chối cái job offer này mà tôi đã được nhận vào làm ở Bệnh viện Fairview. Từ đó đến về sau, Fairview không còn open một position nào cho Bác sĩ cả. Tôi là người cuối cùng được nhận vào làm việc ở Fairview.

Dr. Michael K. là người Taiwan. Anh trẻ hơn tôi khoảng 10 tuổi. Nhà anh ở Irvine City nhưng làm việc ở tận trong Riverside City, nên phải mất 1 tiếng đồng hồ lái xe. Còn từ nhà anh đến Fairview chỉ mất có 10 phút lái xe. Anh người cao ráo, trắng trẻo và khá đẹp trai. Anh nói nhỏ nhẹ, nói tiếng Anh khá rõ ràng với một vài accent. Anh ăn mặc gọn ghẽ: thường thường anh mặc áo Orford màu nhạt, quần Khaki, và mang giày Bass. Trong bộ đồ nghề y khoa của anh, ngoài cái ống nghe, búa phản xạ, và nhiều vật dụng khác, anh còn có một khuôn dấu màu mực đen khắc tên anh: Michael K., MD. Vì tôi

bị ám ảnh với cái khuôn dấu mực đen, nên tôi để ý xem anh xử dụng cái khuôn dấu đó vào việc gì. Mỗi lần viết notes vào chart của bệnh nhân, hay bất cứ hand writing nào của anh, có chữ ký là có đóng dấu. Tôi chưa bao giờ thấy anh ký tên mà không đóng dấu. Anh luôn luôn mang cái khuôn dấu của anh trong người, để trong bọc của chiếc áo choàng trắng. Có lần tôi thấy chiếc áo đó bị loang lổ vết mực đen ở phía dưới bọc áo. Tôi hỏi anh, thì anh bảo là anh quên đây nắp cái khuôn dấu của anh. Cũng có một vài lần tôi thấy anh đóng dấu mà không ký tên. Chẳng hạn như những ngày lễ lớn của Mỹ, anh thường tặng MOD hộp bánh ngọt mua ở Costco, anh dán một miếng giấy lên hộp bánh, anh đề tặng MOD, phía dưới chữ ENJOY!, anh đóng dấu nhưng không thấy ký tên. Có lẽ vì hộp bánh không quan trọng lắm.

Tôi luôn luôn thầm cảm ơn BS. K., vì nhờ anh từ chối job offer mà tôi được thế chỗ. Việc này nhiều ý nghĩa hơn là sau khi tôi được nhận vào làm full time rồi thì sau đó Fairview không nhận thêm ai nữa. Nếu Dr. Kao nhận cái position mà bà TF đã offered cho anh, thì tôi đã không làm việc ở Fairview, và đời sống của tôi và gia đình sẽ khác đi. Rõ ràng là có sự thay đổi, tốt hơn hay xấu hơn thì chỉ có trời biết. Nhưng điều quan trọng là sự “satisfaction”. Tôi mong muốn được làm ở Fairview và đã được làm ở Fairview, và điều đó đã làm cho tôi thỏa mãn.

Bác sĩ Micheal K. vẫn tiếp tục làm MOD cho đến mấy năm sau thì tôi không thấy anh làm MOD nữa. Đọc trong tờ Newsletter của Medical Board of California, trong mục Administrative Actions hình như vào năm 2010, tôi thấy tên anh. Thấy điều kiện để được hành nghề Y khoa trở lại của anh khá gay go, mà nếu có được hành nghề trở lại thì cũng bị nhiều hạn chế, tôi buồn cho anh.

Dr. K., chúc anh may mắn.

Bác sĩ Lê Cảnh Luận